

# THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM (1986-2025)

ThS TRẦN CHIẾN

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Ngày nhận:

13-2-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

5-3-2025

Ngày duyệt đăng:

3-4-2025

**Tóm tắt:** Thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với mở cửa thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (FDI) được xác định là một trong những nguồn lực bên ngoài quan trọng, giúp nền kinh tế phát triển cả về chất và lượng. Thu hút FDI là chủ trương đột phá về kinh tế đối ngoại, thể hiện bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng. Bài viết tập trung làm rõ chủ trương của Đảng về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài sau gần 40 năm đổi mới (1986 - 2025), kết quả đạt được và một số giải pháp để tăng cường thu hút FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:**

Chủ trương, đầu tư trực tiếp nước ngoài; 1986-2025

## 1. Chủ trương của Đảng

Tại Đại hội VI (1986), Đảng đã “Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh”<sup>1</sup>. Tại thời điểm đó, chủ trương này là bước đột phá về tư duy, khẳng định sự thay đổi cơ chế, công bố chính sách “mở cửa” thu hút FDI vào Việt Nam.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội ban hành *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* (1987). Đây là văn bản pháp lý đầu tiên nhằm kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, có tính chất mở đường cho quá trình cụ thể hóa chủ trương thu hút FDI những năm tiếp theo. Bộ luật này được sửa đổi, bổ sung hai lần (1990, 1992). Thông qua đó,

môi trường đầu tư của Việt Nam trong những năm tiếp theo càng thêm hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Hành lang pháp lý ngày càng rõ ràng và hoàn thiện hơn, từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế về đầu tư.

Đại hội VII (1991) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh phải chủ động chuẩn bị về thể chế, cơ sở hạ tầng, thông tin kinh tế, đào tạo đội ngũ cán bộ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào Việt Nam đầu tư, hợp tác kinh doanh. HNTU 2 khóa VII (12-1991) đặt “mục tiêu thu hút khoảng 2,5-3,5 tỷ đôla Mỹ đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm 1991-1995, đi đôi với việc cải thiện tình hình trong nước, khai thông quan hệ chính trị - ngoại giao, cần tích cực tạo môi trường và điều kiện hấp dẫn đầu tư”<sup>2</sup>. HNTU 3 khóa VII (6-1992) xác định chính sách cụ thể đối với thu hút FDI là: “Hợp tác đầu tư trực tiếp với nước ngoài theo luật đầu tư là

hình thức thu hút vốn và công nghệ hết sức quan trọng, lâu dài, phù hợp với xu hướng quốc tế hóa ngày càng cao của nền kinh tế thế giới<sup>3</sup>. Trên cơ sở đánh giá những đặc điểm của hình thức thu hút vốn FDI, Đảng chủ trương “tích cực và mạnh dạn thu hút vốn FDI, không hạn chế về quy mô, địa bàn và việc lựa chọn hình thức đầu tư trong những lĩnh vực mà luật đầu tư không cấm<sup>4</sup>”. Trong nhiệm kỳ Đại hội VII, Đảng đã khẳng định vị trí, vai trò của FDI đối với nền kinh tế; từ đó, xác định mục tiêu, phương hướng cụ thể để thu hút mạnh FDI vào Việt Nam. Những chủ trương đột phá trên đã mở đường cho “làn sóng thứ nhất” thu hút FDI vào Việt Nam từ những năm 1991. Trong những năm 1991-1997, đã có 2.230 dự án đăng ký đầu tư vào Việt Nam, với 16,244 tỷ USD vốn đăng ký và 12,98 tỷ USD vốn thực hiện. Trong đó, chỉ riêng năm 1997, vốn thực hiện đã đạt 3,115 tỷ USD, gấp 9,5 lần năm 1991<sup>5</sup>.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, Đại hội VIII (1996) của Đảng đặt ra những yêu cầu cụ thể hơn nhằm định hướng đầu tư nước ngoài: “Đi đôi với những cố gắng thu hút thêm nguồn vốn bên ngoài, cần chú trọng nhiều hơn việc đưa vào thực hiện những dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã được cấp phép<sup>6</sup>”. Đại hội IX (2001) của Đảng, lần đầu tiên xem kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận hợp thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng<sup>7</sup>”. Chủ trương thu hút FDI của Đảng đã hướng đến tính hiệu quả và định hướng đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều này góp phần khắc phục những hạn chế trong thu hút FDI thời kỳ trước như: thu hút FDI chưa phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, vùng kinh tế; nhập khẩu công nghệ lạc hậu; gây ô nhiễm môi trường...

Để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài, năm 1996, *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* được ban hành thay thế bộ luật cũ. Năm 2000, Quốc hội tiếp tục sửa đổi, bổ sung *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*. Đến năm 2005, Quốc hội ban hành *Luật Đầu tư*, thay thế *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*. Với việc thường xuyên cập nhật những quy định mới làm cho cơ chế chính sách thu hút FDI ngày càng tiến bộ, thuận lợi. Nhờ đó, vốn FDI tăng mạnh trở lại, tạo thành “làn sóng đầu tư thứ hai”. Năm 2005, tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt 6,840 tỷ USD, vốn thực hiện 3,3 tỷ USD<sup>8</sup>. Ngày 11-01-2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), mở ra cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài mạnh mẽ từ những đối tác hàng đầu thế giới.

Đón đầu xu thế mới, Đại hội X (2006) của Đảng đã bổ sung: “Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI<sup>9</sup>”. Đến Đại hội XI (2011) của Đảng, lần đầu tiên đề cập vấn đề thu hút FDI phải phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước: “Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao<sup>10</sup>”. Việc thu hút FDI có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước ngày càng được chú trọng. Đại hội XII (2016) của Đảng làm sáng rõ hơn việc: “Nâng cao hiệu quả thu hút FDI, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước<sup>11</sup>”. Chủ

trương của Đảng đã coi trọng thu hút FDI với hiệu quả, chất lượng cao, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ số, công nghệ “xanh”. Nhờ đó, “làn sóng thứ ba” thu hút FDI diễn ra mạnh mẽ, bắt đầu từ năm 2015, với xu hướng vốn FDI gia tăng trở lại, đạt mức trung bình 20 - 25 tỷ USD/năm<sup>12</sup>.

Đến năm 2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20-8-2019 “về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030”. Đây là nghị quyết định hướng chiến lược nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài (trong đó có thu hút FDI) thời kỳ mới. Nghị quyết xác định các quan điểm chỉ đạo với nội dung cơ bản: (1) Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam; (2) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế; (3) Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; (4) Đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác, hình thức đầu tư; (5) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về thu hút và hợp tác đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp hợp tác đầu tư nước ngoài được xác định rõ ràng, cụ thể.

Nhìn chung, sau 30 năm thu hút FDI, đến Nghị quyết số 50-NQ/TW, chủ trương của Đảng về hợp tác đầu tư nước ngoài (bao gồm cả FDI) có nội hàm mở rộng hơn. Đó là sự hợp tác cả về quản lý, kết nối, đầu tư mua lại, sáp nhập lẫn nhau, đặc biệt hợp tác bảo vệ môi trường, bảo vệ người lao động, bảo đảm các lợi ích xã hội. Chủ trương này thể hiện tính chủ động, bình đẳng, nâng tầm trình độ sản xuất, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế Việt Nam.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được Đảng và Nhà nước coi là một trong động lực quan

trọng để phát triển kinh tế, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định tại Đại hội XIII (2021) của Đảng: “Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng trong kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu”<sup>13</sup>. “Chuyển trọng điểm chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, có giá trị gia tăng cao, lấy hiệu quả và công nghệ sử dụng làm thước đo chủ yếu, quan trọng nhất đi cùng với bảo vệ môi trường phát triển bền vững”<sup>14</sup>.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế và tạo thuận lợi cho nhà đầu tư hơn. Luật Đầu tư được sửa đổi (năm 2014 và 2020) theo khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, tiến bộ. Ngày 28-3-2024, Chính phủ ban hành Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030, thể hiện thay đổi lớn, có những bước đi vững chắc trong tương lai so với giai đoạn trước đây. Đây là nền tảng để thu hút FDI bước vào “làn sóng đầu tư thứ tư”, tạo niềm tin từ các nhà đầu tư quốc tế về tính nhất quán, minh bạch trong lãnh đạo, chỉ đạo thu hút FDI của Đảng.

Chủ trương thu hút FDI của Đảng là quá trình đổi mới tư duy, thận trọng mở cửa từng bước, chào đón, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đó cũng là quá trình khởi đầu thận trọng, đổi mới tư duy vượt khó; từng bước đẩy mạnh chất lượng, hiệu quả và định hướng tương lai. Đảng đã theo dõi, tổng kết thực tiễn, kịp thời đổi mới tư duy lý luận về thu hút FDI. Chủ trương của Đảng về thu hút FDI những năm 1986-2025 thể hiện tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, nhạy bén, phù hợp với thực tiễn đất nước, qua đó, bổ sung, phát triển lý luận về kinh tế đối ngoại trong công cuộc đổi mới.

## 2. Một số kết quả

*Thứ nhất, FDI là nguồn lực quan trọng đóng góp lớn vào tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội và đã trở thành một nguồn lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế.* Những năm đầu đổi mới, do ảnh hưởng của điều kiện khách quan và khung khổ pháp lý mới hình thành, kết quả thu hút FDI chưa đáng kể. Trong những năm 1988-2023, FDI ngày càng phát triển theo hướng hiệu quả, chất lượng cao. Đóng góp của FDI vào tăng trưởng kinh tế ngày càng cao. Tính đến hết năm 2023, đã có 38.349 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép, với tổng số vốn đăng ký là 523.918,6 triệu USD; tổng số vốn thực hiện: 251.192,9 triệu USD<sup>15</sup>. Năm 2024, kết quả thu hút FDI có những tăng trưởng về chất lượng và hiệu quả. Tổng vốn thực hiện là 25.351 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp mới là 19.731,08 triệu USD; đăng ký tăng thêm 13.956,98 triệu USD; góp vốn, mua cổ phần 4.538,12 triệu USD. Tổng dự án cấp mới 3.375 dự án; tổng dự án tăng thêm 1.539 lượt dự án; góp vốn mua cổ phần 3.502 dự án<sup>16</sup>.

*Thứ hai, FDI góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.* Trong những năm 1988-2023, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18/21 ngành kinh tế quốc dân. FDI được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế, có 39.151 dự án được cấp phép với tổng vốn đăng ký: 470.170,3 triệu USD. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 16.900 dự án (số vốn đăng ký là 283.693,5 triệu USD); bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 7.012 dự án (số vốn đăng ký là 11.033,7 triệu USD); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ với 4.488 dự án (số vốn đăng ký là 5.433,3 triệu USD)<sup>17</sup>. Nhờ đó, cơ cấu kinh tế Việt Nam có sự chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công

ng nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%<sup>18</sup>. Điều đó cho thấy, Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế số, kinh tế xanh, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; đặc biệt đã xác lập được vị thế quan trọng trong chuỗi công nghiệp bán dẫn toàn cầu, thu hút được nhiều tập đoàn công nghệ lớn.

*Thứ ba, FDI thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH ở một số địa phương;* góp phần chuyển đổi không gian phát triển, hình thành các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, làm thay đổi diện mạo đất nước. Doanh nghiệp FDI cũng đã chuyển giao công nghệ ở một số ngành, lĩnh vực và có tác động lan tỏa công nghệ nhất định tới khu vực doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ... Trong giai đoạn 1988-2023, cả nước có 39.151 dự án; với tổng vốn đăng ký 470.170,32 triệu USD. Trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh với 12.359 dự án (số vốn đăng ký 57.559,92 triệu USD); Hà Nội với 7.366 dự án (số vốn đăng ký 41.219,60 triệu USD); tỉnh Bình Dương với 4.233 dự án (số vốn đăng ký 40.414,74 triệu USD); tỉnh Bắc Ninh với 2.156 dự án (số vốn đăng ký 24.830,88 triệu USD)<sup>19</sup>. Trong năm 2024, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 56 tỉnh, thành phố trên cả nước. Tỉnh Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 5,12 tỷ USD, chiếm 13,4% tổng vốn đầu tư đăng ký. Hải Phòng đứng thứ 2 với tổng vốn đăng ký đạt 4,94 tỷ USD, chiếm 12,9% tổng vốn đầu tư. Thành phố Hồ Chí Minh đứng thứ 3 với 3,04 tỷ USD, chiếm 8% tổng vốn đầu tư...<sup>20</sup>.

*Thứ tư, FDI đã thúc đẩy và mở rộng thị trường xuất khẩu, chuyển đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu và từng bước đưa Việt Nam tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.* Trong giai đoạn 1988-2023, tính theo đối tác đầu tư chủ yếu, có 39.151 số dự án được cấp phép, với tổng vốn đăng ký là 470.170,32 triệu USD. Trong đó, Hàn Quốc 9.859

dự án (số vốn 86.510,53 triệu USD); Nhật Bản 5.263 dự án (số vốn 73.887,75 triệu USD); Trung Quốc 4.249 dự án (số vốn 27.130,12); Singapore 3.498 dự án (số vốn 74.901,84 triệu USD)<sup>21</sup>. Năm 2024, đã có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm hơn 26,7% tổng vốn đầu tư, tăng 31,4% so với năm 2023. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5% tổng vốn đầu tư, tăng 37,5% so với năm 2023. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,... Tổng nhập khẩu 240.650 triệu USD; tổng xuất khẩu, kể cả dầu thô là 290.939 triệu USD, không kể dầu thô là 289.205 triệu USD<sup>22</sup>. Việt Nam là điểm đến an toàn, hấp dẫn của các doanh nghiệp, đối tác, nhà đầu tư quốc tế; thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới, là một trong 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới với 17 FTA, trở thành một mắt xích quan trọng trong các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu<sup>23</sup>.

*Thứ năm, thu hút FDI của Việt Nam đối diện với những thách thức không nhỏ và những hạn chế, tồn tại cần khắc phục.* Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, cùng xu thế quốc tế hóa sâu rộng, sự cạnh tranh về thu hút FDI giữa các nền kinh tế, nhất là ở châu Á - Thái Bình Dương; sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, kinh tế số, kinh tế xanh đặt ra yêu cầu cao đối với nền kinh tế đất nước. Trong khi đó, những hạn chế, tồn tại trong quá trình thu hút FDI những năm vừa qua có mặt ngày càng gay gắt: vấn đề quy hoạch các dự án FDI; nhiều tồn tại về môi trường đầu tư; gắn hoạt động thu hút FDI với phát triển doanh nghiệp trong nước, bảo đảm môi trường, xã hội, quốc phòng, an ninh còn nhiều bất cập; hệ thống chính sách, cơ chế có mặt chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; chất lượng nguồn nhân lực, kỹ thuật, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu thu hút FDI chất

lượng cao... Để khắc phục những vấn đề trên đòi hỏi những chính sách với giải pháp cụ thể, ổn định.

### 3. Một số giải pháp

Từ kết quả đạt được và một số hạn chế, bất cập, để đáp ứng yêu cầu tình hình mới về thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là,* thường xuyên bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, chiến lược tổng thể thu hút FDI. Thu hút FDI phải đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, đặc biệt phải quy định rõ những ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI, chú trọng chất lượng, hiệu quả. Quy hoạch, chiến lược thu hút FDI phải công khai với danh mục dự án, tiêu chí, điều kiện cụ thể, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và xu hướng đầu tư quốc tế.

*Hai là,* tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục, điều kiện đầu tư. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy, quy định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, từng khâu. Chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn với thu hút nhân tài.

*Ba là,* tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư. Chủ động xúc tiến đầu tư có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, gắn với các tiêu chí hợp tác đầu tư mới; tiếp tục duy trì các thị trường và đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng thị trường, đối tác mới. rà soát, cơ cấu lại hệ thống các cơ quan xúc tiến đầu tư hiện có theo hướng chuyên nghiệp, độc lập. Tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa Trung ương với địa phương, giữa các vùng, giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội nghề nghiệp trong công tác xúc tiến đầu tư.

*Bốn là,* tăng cường công tác quản lý nhà nước về thu hút FDI. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà

nước về đầu tư nước ngoài theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và thống nhất một đầu mối tại các bộ, ngành, địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, liên vùng tại địa phương và trong phạm vi cả nước. Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ngành và các địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

Qua gần 40 năm (1986-2025) thực hiện đường lối đổi mới, thu hút FDI đã khẳng định vị trí, vai trò, tiềm năng lớn và góp phần quan trọng phát triển nền kinh tế của đất nước. Trước những cơ hội và thách thức mới, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, Việt Nam cần phải đón đầu xu thế mới, chủ động hợp tác, thu hút FDI chất lượng cao phục vụ cho chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr. 767

2. *Sđđ*, 2007, T. 51, tr. 549

3, 4. *Sđđ*, 2007, T. 52, tr. 150, 151

5. Dẫn theo: Mai Quốc Dũng: “Nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài (1986 - 2022) - Chủ trương của Đảng và một số kết quả bước đầu”, <https://tapchilichsudang.vn/nang-cao-chat-luong-dau-tu-nuoc-ngoai-1986-2022-chu-truong-cua-dang-va-mot-so-ket-qua-buoc-dau.html>, đăng ngày 27-10-2023

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2015, T. 55, tr. 465

7. *Sđđ*, 2016, T. 60, tr. 263

8, 15. Tổng cục Thống kê: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép thời kỳ 1988–2023”, <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0411&theme=%C4%90%E1%BA%A7u%20t%C6%B0>, tính đến ngày 31-12-2023

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 65, tr. 279

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 209

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 108

12. “Thu hút FDI trước bước ngoặt lịch sử: Chủ động đón làn sóng FDI thứ tư”, <https://nhandan.vn/thu-hut-fdi-truoc-buoc-ngoat-lich-su-post816506.html>, ngày đăng 28-6-2024

13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG, H, 2021, T. I, tr. 130, 240-241

16, 22. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2024”, <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2025-1-6/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2024-5ihdt0.aspx>, ngày đăng 6-1-2025

17. Tổng cục Thống kê: “Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế, tính đến ngày 31-12-2023”, <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0411&theme=%C4%90%E1%BA%A7u%20t%C6%B0>

18. Tổng cục Thống kê: “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024”, <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2025/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>, ngày đăng 6-1-2025

19. Tổng cục Thống kê: “Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép phân theo địa phương”, <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0411&theme=%C4%90%E1%BA%A7u%20t%C6%B0>, tính đến ngày 31-12-2023

20. Tổng cục Thống kê: “Bắc Ninh dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài năm 2024”, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/01/bac-ninh-dung-dau-ca-nuoc-ve-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2024/>, ngày đăng 13-1-2025

21. Tổng cục Thống kê: “Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép phân theo đối tác đầu tư chủ yếu, tính đến ngày 31-12-2023”, <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0411&theme=%C4%90%E1%BA%A7u%20t%C6%B0>

23. “Đổi mới, sáng tạo, tăng tốc, bứt phá, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc”, <https://baohinhphu.vn/doi-moi-sang-tao-tang-toc-but-pha-dua-dat-nuoc-vung-buoc-tien-va-ky-nguyen-vuon-minh-phat-trien-giau-manh-van-minh-thinh-vuong-cua-dan-toc-10225-0101011544952.htm>, ngày đăng 1-1-2025.